



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

Ngành: **XÃ HỘI HỌC**
 Chuyên ngành: *Xã hội học về truyền thông báo chí*
Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội
 Mã số ngành: **7310301**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			40	40	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
5	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			6	6	0	0	0	0	
1	MAN201	Quản trị học	3	3					
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			9	9	0	0	0	0	
1	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	3					
2	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
3	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			6	6	0	0	0	0	
1	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	3					
2	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			9	9	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3	3					
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông							
2	SOS206	Mỹ học đại cương							
3	PSY201	Tâm lý học đại cương							
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3	3					
1	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ							
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa							
3	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1							
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3	3					
1	ECO201	Kinh tế học đại cương							

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
2	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt							
3	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2							
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	53	2	11	0	12	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			29	26	2	1	0	0	
1	SOC301	Chính sách xã hội	2	2					
2	SOC302	Lịch sử xã hội học	3	3					
3	SOC303	Lý thuyết xã hội học	3	3					SOC302
4	SOC304	Nhập môn công tác xã hội	2	2					
5	SOC305	Nhập môn ngành Xã hội học	2	2					
6	SOC306	Phát triển cộng đồng	2	2					
7	SOC307	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	3					
8	SOC308	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	2					
9	SOC309	Quản lý dự án xã hội	2	2					
10	SOC310	Thực hành phương pháp nghiên cứu định lượng	2	1	1				SOC307
11	SOC311	Thực hành phương pháp nghiên cứu định tính	2	1	1				SOC308
12	SOC312	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
13	SOC314	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu khoa học xã hội	3	3					NAS203
II.2. Các học phần chuyên ngành			38	27	0	5	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			12	7	0	5	0	0	
1	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1			1			
2	SOC451	Thực tập cơ sở Xã hội học	4			4			
3	SOC428	Xã hội học đô thị	2	2					
4	SOC429	Xã hội học gia đình	3	3					
5	SOC434	Xã hội học nông thôn	2	2					
II.2b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 2 trong 4 học phần)</i>							
1	SOC427	Xã hội học dân số	3	3					
2	SOC430	Xã hội học giáo dục	3	3					
3	SOC431	Xã hội học giới	3	3					
4	SOC435	Xã hội học pháp luật	3	3					
II.2c. Phần tự chọn tùy theo chuyên ngành			20	20	0	0	0	0	
		Chuyên ngành Xã hội học về truyền thông báo chí							
1	SOC415	Đặc điểm các loại hình báo chí	2	2					
2	SOC416	Kỹ năng truyền thông	3	3					
3	SOC417	Kỹ năng viết báo	3	3					
4	SOC419	Pháp luật về báo chí và xuất bản	2	2					
5	PUR410	Quan hệ công chúng	3	3					
6	SOC422	Tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học về truyền thông báo chí	2	2					
7	SOC425	Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội	2	2					
8	SOC426	Xã hội học báo chí	3	3					
		Chuyên ngành Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội							

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
1	SOC418	Những vấn đề cơ bản về chính sách công	2	2					
2	SOC420	Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ	2	2					
3	MAN411	Quản trị doanh nghiệp	3	3					MAN201
4	HUR408	Quản trị nhân sự	3	3					
5	SOC421	Tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội	2	2					
6	SOC433	Xã hội học lao động	2	2					
7	SOC436	Xã hội học quản lý	3	3					
8	SOC437	Xã hội học tổ chức	3	3					
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0	0	5	0	12	
1	SOC542	Thực tập tốt nghiệp	5			5			
2	SOC543	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	
		Các học phần thay thế KLTN (Chọn 4 HP)	12						
1	SOC432	Xã hội học kinh tế	3	3					
2	SOC438	Xã hội học văn hóa	3	3					
3	SOC439	Xã hội học về dư luận xã hội	3	3					
4	SOC440	Xã hội học y tế và sức khỏe	3	3					
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8	6	2				
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

TRƯỞNG KHOA KHXH&NV

KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

PGS.TS Phạm Vũ Phi Hổ